

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/05/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8-AMĐ	7:25	14+8	0+0		13+9	0+0	
2		P6+TTc1	7:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
3		VSP01+AMĐ	7:25	10+12	0+0		4+18	0+0	
4		TTC2+P6+BK10	9:25	4+18+0	0+0+0		4+16+1	0+0+0	
5		P8+P1	9:25	21+0	0+0		18+4	0+0	
6		VSP01	9:25	22	0		22	0	

TTBĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2020	TO: P8 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vậ - NPhú - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN QUY	P8				25	68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN ĐÔNG	P8	93-94	2	17		85	YTE	Vietnamese
3	PHAM VAN LỢI	P8	84	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
4	OVCHARENKO A N	P8	88	1	5		90	KH-THAC	Russian
5	HUYNH CHANH PHÁT	P8	98	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG VAN QUYET	P8	97	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
7	LE TUAN ANH	P8	99	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LE QUANG HIEN	P8					75	KH-THAC	Vietnamese
9	TIKHONOV	P8	92	1	5		98	KH-THAC	Russian
10	LE VAN TAN	P8	86	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	87	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU DUNG	P8	91	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC TIEN	P8	85	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN HAI	P8	89-90	2	9		67	KH-THAC	Vietnamese
15	THAN CANH THINH	AMD	08,93	2	12		75	TLJOC	Vietnamese
16	BUI XUAN TẠO	AMD	94-95	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese
17	TRINH VAN PHA	AMD	01	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TAN	AMD	02	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC THU	AMD	06-07	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
20	LE ĐỨC TAM	AMD	05	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TRUNG	AMD	04	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH HIỆU	AMD	03	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	14	14	86	1.006	25	13		
2	AMD	8	11	69	557	0	9		
TOTAL		22	25	155	1.563	25	22		
WEIGHT KG				155	1.563	25			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P6 - TTC1	CREW: HUNG - CHIEN - Luy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P6	19	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGO HOAN	P6	12-13	2	17		67	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TAI	P6	24	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG TUAN	P6	21-22	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
5	VU DINH SY	P6	29-30	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DUC HOE	P6	08	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN CU	P6	23	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI MANH KHANH CUONG	P6	25	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THIN	P6	09-10	2	17		76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHU	P6	14	1	4	33	78	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN DOA	P6	18	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
12	VU THANH DO	P6	11	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÔNG XUÂN PHU	P6	16-17	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HUY THÔNG	P6	20	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	GOLOVIN	P6	15	1	10		110	KH-THAC	Russian
16	ĐINH VĂN THANH	TTC1	23	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUU HAU	TTC1				60	65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	26	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG MINH DUNG	TTC1	29-30	2	17		80	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN NAM SON	TTC1	24	1	5	15	80	GETRACO	Vietnamese
22	PHAM HOANG TUNG	TTC1	25	1	5	7	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	15	20	139	1.038	33	14		
2	TTC1	7	7	42	525	82	8		
TOTAL		22	27	181	1.563	115	22		
WEIGHT KG				181	1.563	115			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: VSP01 - AMD	CREW: Khang - Duong - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ QUANG THÀNH	VSP01	39-40	2	16	50	67	YTE	Vietnamese
2	POPOV A.A.	VSP01	38	1	5		120	KH-THAC	Russian
3	PASKEVICH V.V.	VSP01	36	1	11		100	KH-THAC	Russian
4	TRƯƠNG HIÊN	VSP01	42	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ QUANG HUY	VSP01	43-44	2	16		73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG THANH PHU	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	41	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
8	GURIN V.V.	VSP01	37	1	8		102	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN NGỌC LAN	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUY BÌNH	VSP01	45	1	3		93	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	12	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	11	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO ĐỨC HUY	AMD	10	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	14	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	19	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	AMD	09	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRAI	AMD	13	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TOÀN	AMD	15-16	2	12	30	68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	AMD	17	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU VĂN DÂN	AMD	21	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐƯƠNG	AMD	20	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	LƯU QUANG ĐẠT	AMD	18	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	10	10	72	858	50	4		
2	AMD	12	13	110	811	30	18		
TOTAL		22	23	182	1.669	80	22		
WEIGHT KG				182	1.669	80			

GRAND TOAL: 1.931 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2020	TO: TTC2 - P6 - BK10	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Văn - Phú - Toàn	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG QUOC BAO	TTC2				13	65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN THUC	TTC2	67	1	6		51	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2	81	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	79-80	2	10		79	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM VAN KHUONG	P6	37	1	10	60	70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VAN SANG	P6	46	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGOC AN	P6	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO KIM SÂM	P6	38	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC DŨNG	P6	42	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUY HUNG	P6	31-32	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRỌNG	P6	40	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG THAI SON	P6	36	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN SƠN	P6	33	1	7		61	GETRACO	Vietnamese
14	TRẦN VĂN VIỆT A	P6	41	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
15	VŨ THANH TIEN	P6	34	1	3		49	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC SON	P6					81	GETRACO	Vietnamese
17	LÊ VĂN HẠN	P6	35	1	6		59	GETRACO	Vietnamese
18	VŨ VĂN TOÀN	P6	45	1	5		71	D-HANH	Vietnamese
19	BUI THỌ SƠN	P6	47	1	3		68	D-HANH	Vietnamese
20	TRÌNH HOANG NGUYEN	P6	836	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
21	KYREEV	P6	43	1	7		94	NIPI	Russian
22	CHERNIADÉV I	P6	44	1	8		71	NIPI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	4	21	259	13	4		
2	P6	18	18	118	1.250	60	16		
3	BK10	0	0	0	0	45	1		
TOTAL		22	22	139	1.509	118	21		
WEIGHT KG				139	1.509	118			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: P8 - P1	CREW: HUNG - CHIEN - Luy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC HÙNG	P8	28	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ANH ĐỨC	P8	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET KHA	P8	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIET HOA	P8	04	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG HẢI HÀ	P8	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH HOÀNG	P8	57	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH VINH	P8	44	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO ĐỨC THAI	P8	59	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG TIEN	P8	01	1	5	20	62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN QUANG	P8	03	1	5	60	70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG TRUNG HẬU	P8	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG HIẾU	P8	400	1	5		62	PSV	Vietnamese
13	HÀ VĂN THIÊN	P8	06	1	6		70	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LOAN	P8	2000	1	5		45	PSV	Vietnamese
15	TRAN TRUNG KIEM	P8	55	1	7		62	PSV	Vietnamese
16	LÊ TIÊN QUY	P8	43	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	HÀ VĂN NIỆM	P8	05	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	TRẦN THỨC LỢI	P8	62	1	5		62	D-HANH	Vietnamese
19	CHU MINH HÙNG	P8	63	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
20	MISHIN	P8	56	1	5		105	NIPI	Russian
21	ĐẶNG THẾ ANH	P8	07	1	5		63	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	21	21	107	1.424	80	18		
2	P1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	21	107	1.424	80	22		
WEIGHT KG				107	1.424	80			

GRAND TOAL: 1.611 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 06	TO: VSP01	CREW: Vận - VLinH - DTùng	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	55-56	2	14	34	92	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	60	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THƯỢNG HAI	VSP01	57	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	65	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH VĂN THON	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	53	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
9	GEFTMAN M.R.	VSP01	68	1	7		102	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN QUANG NAM	VSP01	69	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN THUY	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BÀ NGỌC	VSP01	54	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	62	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN VIẾT ĐĂNG	VSP01	51-52	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	49	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TRƯỞNG	VSP01	58	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	66	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	67	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGỌC	VSP01	64	1	5		74	PSV	Vietnamese
20	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	63	1	5		66	PSV	Vietnamese
21	KIỀU VĂN TUẤN	VSP01	59	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	HOANG PHUONG NAM	VSP01	61	1	6		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	21	120	1.561	34	22		
	TOTAL	22	21	120	1.561	34	22		
	WEIGHT KG			120	1.561	34			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/05/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+BK6+P11	7:25	14+7+1	0+0+0		2+4+16	0+0+0	
2		P2+TD3	7:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
3		P5+P3	7:25	7+15	0+0		1+21	0+0	
4		C10+P1	7:25	5+17	0+0		1+21	0+0	
5		BK8+P4	9:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
6		P4+AMD	9:25	15+7	0+0		9+13	0+0	
7		P10+BK6+P2	9:25	0+10+11	0+0+0		1+5+13	0+0+0	CHUYEN 1 BK6 - P2
8		P7+P6+P8	9:25	22+0+0	0+0+0		12+5+4	0+0+0	
9		AMD	11:25	18	0		22	0	
10		BK5+P4+TD2	11:25	12+9+1	0+0+0		4+6+12	0+0+0	
11		P2+P5	11:25	5+17	0+0		0+19	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
BAGRAMOV DI BK6 SAU CHUYEN BK6-P2; BK6-3 NGUOI DI VE TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	TO: P1 - BK6 - P11	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - ĐNam - THU	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐỨC HIẾU	P1	02-03	2	15		58	YTE	Vietnamese
2	HỒ NGỌC HÙNG	P1	06	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	VŨ VIỆT THANH	P1	14	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ XUÂN QUÝ	P1	13	1	10		105	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN THẮNG	P1	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN THẮNG	P1	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG THỌ	P1					70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	10-11	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
10	VI KHÁC THÀNH	P1	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN TUẤN	P1	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ HỮU CHUNG	P1	07	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC BÓN	P1	09	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	12	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	BONDARENKIO	BK6	91	1	5		100	KH-THAC	Russian
16	POPOV	BK6	93	1	5		75	KH-THAC	Russian
17	IUISUPOV	BK6	96	1	4		74	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	94-95	2	10		65	PSV	Vietnamese
19	HOANG DUC LINH	BK6	97-98	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
20	BAGRAMOV	BK6	92	1	7		95	KH-THAC	Russian
21	LÊ NGỌC AN	BK6	99	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P11	43-44	2	7	160	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	14	15	90	990	0	3		
2	BK6	7	9	53	534	0	3		
3	P11	1	2	7	70	160	16		
TOTAL		22	26	150	1.594	160	22		
WEIGHT KG				150	1.594	160			

GRAND TOAL: 1.904 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P2 - TD3	CREW: VThắng - TRƯỜNG - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÍ MẠNH CƯỜNG	P2	81	1	5		69	D-HANH	Vietnamese
2	VŨ CÔNG TRÌNH	P2	83	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	P2	78	1	5		98	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THỊ CAM THỦ	P2	80	1	4		60	YTE	Vietnamese
5	TANG MẠNH HÀ	P2	76	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN SƠN TRƯỞNG	P2	68	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG ĐỨC HIỆU	P2	77	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	71	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	73	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC HIỀN	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRÁC ĐỨC HUY	P2	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH BA ĐÔNG	P2	82	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	72	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU VĂN TỰ	P2	70	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN NAM	P2	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIỀN HÙNG	P2	75	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TUÔNG ANH CẠC	P2	69	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG TUẤN ANH	TD3	22	1	9		89	CODIEN	Vietnamese
19	HOÀNG QUỐC HUY	TD3	20-21	2	20	197	80	CO DIEN	Vietnamese
20	ĐỖ NGỌC DUYỆN	TD3	17	1	14		72	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD3	18	1	8		65	DVL	Vietnamese
22	LÊ PHU PHÚC	TD3	19	1	8		81	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	16	90	1.187	0	15		
2	TD3	5	6	59	387	197	7		
TOTAL		22	22	149	1.574	197	22		
WEIGHT KG				149	1.574	197			

GRAND TOAL: 1.920 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P5 - P3	CREW: HUNG - Khang - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN BAC	P5					75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN QUANG PHUC	P5	59-60	2	11	40	49	KH-THAC	Vietnamese
3	DO HOANG TRONG	P5	55	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN MACH	P5	58	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÔNG VĂN THỊNH	P5	61-62	2	14		82	KH-THAC	Vietnamese
6	LE ĐỨC THÀNH	P5	57	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN KHAI	P5	56	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CUU	P3	42	1	6	46	68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO VĂN ĐAM	P3	45	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN MINH HOAI	P3	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI SY CONG	P3	48	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO MANH HUNG	P3	52	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN QUOC BINH	P3	47	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN THIEN THANH	P3	43	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN LE TUNG	P3	40	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
16	VU ĐỨC HUNG	P3	46	1	6		91	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN HONG HAI	P3	41	1	14		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC TUAN	P3	58	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH QUOC TRUONG	P3	51	1	11		77	GETRACO	Vietnamese
20	HA KIM LINH	P3	53	1	5		45	GETRACO	Vietnamese
21	TRAN CAO MONG	P3	50	1	5		54	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYEN DUY CANH	P3	49	1	5		51	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	7	8	49	497	40	1		
2	P3	15	15	103	1.018	46	21		
TOTAL		22	23	152	1.515	86	22		
WEIGHT KG				152	1.515	86			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: CLO - P1	CREW: PHÚ - ĐỨC - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THANH	CLO	56	1	12		75	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	CLO	54	1	15		70	DVL	Vietnamese
3	PHAN THANH TỈNH	CLO	55	1	17		77	DVL	Vietnamese
4	LÊ VĂN BẢO	CLO	59	1	12		62	DVL	Vietnamese
5	VŨ VĂN TRUNG	CLO	57-58	2	13		73	DVL	Vietnamese
6	VŨ DUY KHANH	P1	46	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG TIEN	P1	37	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TỰ	P1	36	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	31-32	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI HUY NGHIỆP	P1	33	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	38	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	34	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO ĐĂNG PHONG	P1	43	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG YÊN	P1	39	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU NGHĨA	P1	40	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MINH HIỆU	P1	30	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	35	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN DU	P1	41	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P1					60	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ HIỆP PHU	P1	44	1	7		52	ANTOAN	Vietnamese
21	NHÂM ĐIỆN BIÊN	P1	42	1	4		67	NIPI	Vietnamese
22	PHAN VĂN THỊNH	P1	45	1	7		75	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	5	6	69	357	0	1		
2	P1	17	17	90	1.152	0	21		
TOTAL		22	23	159	1.509	0	22		
WEIGHT KG				159	1.509	0			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	TO: BK8 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Nam - ĐNam - THU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TAT HOA	BK8					81	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN THUAN	BK8	70-71	2	7	50	75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM MINH DUONG	BK8	68	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN THANH SON	BK8	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	DO DUC ANH	BK8	73	1	10	15	82	CODIEN	Vietnamese
6	BUI VAN MINH	BK8	77	1	11		61	CODIEN	Vietnamese
7	ĐANG VAN BAN	BK8	74	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN THANH SU	BK8	67	1	4		65	PSV	Vietnamese
9	PHAM XUAN MANH	BK8	72	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TAM	P4	86-87	2	19		71	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEN	P4	93	1	7	15	69	KH-THAC	Vietnamese
12	VU MANH HA	P4	95	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN PHONG	P4					80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUY THAI	P4					72	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG HUU HAU	P4	89	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
16	VU BAO AN	P4	90	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG VINH	P4	88	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THAI SON	P4	96	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN HOANG	P4	91	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI MINH TUAN	P4	94	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
21	VU THANG	P4	97	1	10		89	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN NGOC TUAN	P4	92	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	9	9	58	657	65	7		
2	P4	13	12	91	968	15	15		
TOTAL		22	21	149	1.625	80	22		
WEIGHT KG				149	1.625	80			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT:	TO: P4 - AMD	CREW: VThăng - TRƯỜNG - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHÂN HẢI	P4	27	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	32	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM KHẮC ĐOÀN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ MẠNH DŨNG	P4	31	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
5	KHUƠNG VĂN THẢO	P4	34	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	38	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG CÔNG ĐĂNG	P4	30	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI QUANG SƠN	P4	37	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ SỸ KHOA	P4	28	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ TÂN DŨNG	P4	39	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HỒNG TRUNG	P4	36	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	40	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	P4	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI MẠNH CƯỜNG	P4	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	P4	29	1	12		71	CODIEN	Vietnamese
16	NGO SY DUC	AMD	31-32	2	17		77	HLJOC	Vietnamese
17	HOANG VAN THE	AMD	25	1	5	110	66	KH-THAC	Vietnamese
18	K LỘC	AMD	30	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	24	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NG NHƯ BẢO CHUÔNG	AMD	26	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ TRẦN PH ĐÔNG	AMD	29	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ CHI CƯỜNG	AMD	27-28	2	16		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	14	73	1.001	0	9		
2	AMD	7	9	66	487	110	13		
TOTAL		22	23	139	1.488	110	22		
WEIGHT KG				139	1.488	110			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	TO: BK6 - P2 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - DTùng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU QUYNH AN	BK6	84-85	2	15		100	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO THAI HA	BK6	2000	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN TINH	BK6	83	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
4	LE HUU TUONG	BK6	51	1	5		60	CODIEN	Vietnamese
5	LE NGOC HIEP	BK6	86-87	2	10		72	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN TRUONG BIEN	BK6	52-53	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN CAM	BK6	54-55	2	15	60	70	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VIET QUANG	BK6	48-49	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG ANH THAN	BK6	01-02	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VIET HUNG	BK6	50	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN PHU HUU	P2	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH NAM	P2	87	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEU	P2	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI THO DUNG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN QUYEN	P2	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU HA	P2	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	K. LING	P2	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN THAI BINH	P2	93	1	5	50	60	KH-THAC	Vietnamese
19	LE SINH TAM	P2	86	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
20	VU NGOC DUNG	P2	91-92	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN KHAC LAM	P2	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	LE DINH HUAN	P2	90	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	10	16	113	706	60	6	1	CHUYEN 1 PAX BK6 SANG P2
2	P2	12	12	64	820	50	14		
3	P10	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	28	177	1.526	110	21		
WEIGHT KG				177	1.526	110			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: P7 - P6 - P8	CREW: PHÚ - ĐỨC - TDUNG	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO ĐỨC HUNG	P7					57	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUONG	P7	52	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIEN	P7	61	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HUNG	P7	53	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN LỢI	P7	54	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRONG AN	P7	47	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	51	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THIÊN	P7	49	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TRUNG KIÊN	P7	62	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THÈ KHUONG	P7	60	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH DŨNG	P7	59	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN KHOAI	P7	58	1	10	80	58	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN ĐỨC	P7	55-56	2	11		77	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CHUONG	P7	63	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUANG PHŨ	P7	68	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH BA NINH	P7	50	1	9		54	KH-THAC	Vietnamese
17	PANOV	P7	64-65	2	5		90	NIPI	Russian
18	SVYATOKHO	P7	67	1	7		88	NIPI	Russian
19	CHAU DINH HUY	P7	66	1	5		70	NIPI	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG TÂN	P7	44	1	5		62	PSV	Vietnamese
21	HOANG VIET HUNG	P7	57	1	5		77	PSV	Vietnamese
22	PHAN THANH NAM	P7	48	1	10		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	23	135	1.544	80	12		
2	P6	0	0	0	0	0	5		
3	P8	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	23	135	1.544	80	21		
WEIGHT KG				135	1.544	80			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	TO: AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - Toan	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC THU	AMD	49	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG ĐỨC HÙNG	AMD	50	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG THẾ KHAI	AMD	58	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO VĂN SAU	AMD	43	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET LAM	AMD	42	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
6	LE THANH TUNG	AMD	44	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	40	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN GIANG	AMD	45	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	57	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO QUANG HUÂN	AMD	51-52	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN THUY	AMD	56	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	46	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VU MẠNH HA	AMD	54-55	2	12		87	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH HỮU TINH	AMD	47	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ĐÌNH SONG	AMD	53	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI BA HUNG	AMD	39	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM ANH DUC	AMD	48	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN SANH	AMD	41	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	20	129	1.261	0	22		
	TOTAL	18	20	129	1.261	0	22		
	WEIGHT KG			129	1.261	0			

GRAND TOAL: 1.390 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	TO: BK5 - P4 - TD2	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - QTrương	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC TUNG	BK5	3000	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC HOAN	BK5	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HO HUU LINH	BK5	91	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC QUANG	BK5	89-90	2	15		70	PSV	Vietnamese
5	HAN VAN GIAO	BK5	93	1	8		80	PVE	Vietnamese
6	LE HONG TRIEU	BK5	95	1	10	50	60	PVE	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TUAN	BK5	98	1	7		60	PVE	Vietnamese
8	VU VAN DIEN	BK5	94	1	8		60	PVE	Vietnamese
9	TRINH MINH THONG	BK5	97	1	7		56	PVE	Vietnamese
10	PHAM HONG LINH DU	BK5	01	1	7		70	PVE	Vietnamese
11	PHAM NGOC HAI	BK5	96	1	7		70	PVE	Vietnamese
12	NGUYEN VAN AN	BK5	92	1	7		65	PVE	Vietnamese
13	LE HUY BAC	P4	45-46	2	17		65	CODIEN	Vietnamese
14	VO TIEN PHUNG	P4	47-48	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN KHANH HUNG	P4	43-44	2	11		70	CODIEN	Vietnamese
16	ĐANG TIEN TOAN	P4	55	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
17	TO DINH DUNG	P4	54	1	5		65	PVE	Vietnamese
18	NGUYEN ĐANG NGUYEN	P4	41-42	2	7		70	PSV	Vietnamese
19	TRAN ANH TUAN	P4	52-53	2	12		70	PVE	Vietnamese
20	PHAM NGOC THANG	P4	50-51	2	10		60	PVE	Vietnamese
21	ĐANG VAN QUANG	P4	49	1	7		70	PVE	Vietnamese
22	DUONG VU THANG	TD2	10	1	5	50	72	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	12	13	91	806	50	4		
2	P4	9	15	89	605	0	6		
3	TD2	1	1	5	72	50	12		
TOTAL		22	29	185	1.483	100	22		
WEIGHT KG				185	1.483	100			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	TO: P2 - P5	CREW: Khang - HUNG - Huy	ETA: 13:20
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG HUNG	P2	85	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN THOA	P2	84	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN HOAI NAM	P2	83,99,200	3	20		65	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN ANH TUAN	P5	97-98	2	10	90	70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG BA VINH	P5	85-86	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG KHOI NGUYEN	P5	92	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO QUANG THANG	P5					85	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU VAN DAT	P5	90	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC TUAN	P5	93	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN HONG GIANG	P5	87	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH HUNG	P5	89	1	19		82	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH DANH	P5	94	1	7		59	CODIEN	Vietnamese
13	TRINH HOAI ĐUC	P5	83	1	7	17	65	CODIEN	Vietnamese
14	ĐO VAN THANH	P5	95	1	7		82	CODIEN	Vietnamese
15	VU ANH TUAN	P5	96	1	9	95	66	CODIEN	Vietnamese
16	TU VAN SON	P5	84	1	5		80	PSV	Vietnamese
17	ĐAO VAN THANG	P5	91	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	ĐAO XUAN THANH	P5	88	1	4		66	PSV	Vietnamese
19	LE VAN NAM	P5	81	1	6		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	3	5	39	207	0	1		
2	P5	16	17	115	1.110	202	19		
TOTAL		19	22	154	1.317	202	20		
WEIGHT KG				154	1.317	202			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN